TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Cang

2. Bà Phan Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Hồng T; địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P; địa chỉ: Số F, Đường H, ấp C, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 20-3-2023 (có mặt).

- *Các bị đơn:*

1. Ông Trần Thiện K; địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị M; địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23-02-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Từ năm 2021 đến năm 2022, bà T có cho vợ chồng ông Trần Thiện K và bà Nguyễn Thị M vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, mục đích vay tiêu dùng trong

gia đình, thời hạn vay khi nào bà T cần vốn thì bà M sẽ trả và do chỗ quen biết nên việc vay tiền không có làm biên nhận. Nhưng kể từ khi vay tiền, bà M và ông K chỉ đóng lãi được tháng đầu tiên của phần tiền vay lần thứ nhất. Bà T đã yêu cầu bà M và ông K trả lại tiền vốn vay nhưng bà M và ông K chỉ hứa mà không thực hiện. Do vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần Thiện K và bà Nguyễn Thị M phải trả cho cho bà T số tiền vốn vay còn nợ là 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng).

- Buộc ông Trần Thiện K và bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà T số tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 19/5/2022 (ngày vay lần sau cùng) tạm tính đến ngày 28-12-2022 là 7 tháng, với số tiền 37.881.200 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, hai trăm đồng).

- Ngoài ra, ông Trần Thiện K và bà Nguyễn Thị M phải tiếp tục trả cho bà T số tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản ghi lời khai ngày 24-5-2023 và Đơn yêu cầu ngày 23-6-2023, bị đơn ông Trần Thiện K trình bày:*

Việc bà T cho rằng ông K và bà Nguyễn Thị M vay tiền của bà T nhiều lần với tổng số tiền là 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) là không đúng, vì từ trước đến nay ông K không có vay tiền của bà T bất kỳ khoản tiền nào. Do vậy, ông K không đồng ý trả khoản tiền vay 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi 37.881.200 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi một nghìn, hai trăm đồng) theo yêu cầu của bà T. Đối với việc bà M có vay tiền của bà T hay không thì ông K không biết vì ông K không có nghe bà M nói lại và bà M cũng không có dùng tiền vay để chi tiêu gì trong gia đình. Hiện nay, bà M đi đâu và ở đâu thì ông K cũng không biết rõ nên ông K cũng không đồng ý liên đới với bà M trả tiền vay và tiền lãi như yêu cầu của bà T.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M tại nơi cư trú. Nhưng kể từ khi thụ lý vụ án, bà M không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần nhưng không đến nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Kim Điền P trình bày: Nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng T đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Thiện K, đồng thời thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm trả, cụ thể là bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T toàn bộ tiền vốn vay là 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi chậm trả đối với số tiền vốn vay 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 15-3-2023 bà T nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm 06-9-2023 là 05 tháng 20 ngày, thành tiền là 15.329.000 đồng (Mười năm triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng), nhưng đồng ý khấu trừ số tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà bà M đã đóng tháng đầu của lần vay thứ nhất. Tổng cộng số tiền bà M phải thanh toán là 339.329.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Bị đơn ông Trần Thiện K giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Thống nhất việc bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông K. Việc bà T khởi kiện yêu cầu bà M thanh toán tiền vay và tiền lãi chậm trả thì ông K không có ý kiến và yêu cầu Tòa án không buộc ông K phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà M thanh toán tiền vay và tiền lãi chậm trả cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị M chấp hành chưa nghiêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Trần Thiện K và thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T toàn bộ tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả đối với số tiền vốn vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 15-3-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 06-9-2023, với tổng số tiền là 339.329.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng tại Biên nhận ngày 16-7-2023 thể hiện bà Nguyễn Thị M thừa nhận từ ngày 12-3-2021 đến ngày 19-5-2022, bà M vay tiền của bà T 12 (Mười hai) lần với tổng số tiền 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng), có ông Nguyễn Văn Bậm T1 là Trưởng ban N ký tên chứng kiến. Từ đó, nguyên đơn bà T yêu cầu bà M phải trả số tiền vốn vay 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện 15-3-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 06-9-2023, sau khi đã khấu trừ số tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà bà M đã đóng là 13.329.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng T đối với ông Trần Thiện K; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng T buộc bà Nguyễn Thị M phải thanh toán cho bà T tổng số tiền vốn vay và tiền lãi chậm trả là 339.329.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng). Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị đơn bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại tiền vay và

tiền lãi chậm trả nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Thiện K, đồng thời thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoảng tiền lãi chậm trả, cụ thể là bà T chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T toàn bộ tiền vốn vay là 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi chậm trả đối với số tiền vốn vay theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện 15-3-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 06-9-2023 sau khi khấu trừ số tiền lãi 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) mà bà M đã đóng tháng đầu của lần vay thứ nhất là 13.329.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng số tiền bà M phải thanh toán là 339.329.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng). Xét thấy, việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Trần Thiện K là hoàn toàn tự nguyện, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Trần Thiện K và chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày từ năm 2021 đến năm 2022, bà M nhiều lần vay tiền của bà T với tổng số tiền là 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng). Nhưng kể từ khi vay tiền, bà M chỉ đóng lãi được tháng đầu tiên của khoản tiền vay lần thứ nhất, bà T đã yêu cầu bà M trả lại tiền vốn vay nhưng bà M chỉ hứa mà không thực hiện. Đối chiếu với Biên nhận ngày 16-7-2023, thể hiện thể hiện bà Nguyễn Thị M thừa nhận từ ngày 12-3-2021 đến ngày 19-5-2022, bà M có vay tiền của bà T 12 (Mười hai) lần với tổng số tiền 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) và tại dưới mục "người vay mượn" có chữ ký tên của bà Nguyễn Thị M và qua xác minh ông Nguyễn Văn Bậm T1 là Trưởng ban N xác nhận bà M tự ký tên vào Biên nhận ngày 16-7-2023 trước mặt ông, đồng thời ông Nguyễn Văn Bậm T1 cũng ký tên vào biên nhận để xác nhận chứng kiến. Từ đó, có cơ sở xác định, bà M vay tiền và còn nợ bà T tổng số tiền vốn 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) là đúng sự thật. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà M trả số tiền vốn vay 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về khoản tiền lãi chậm trả, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà M phải thanh toán tiền lãi chậm trả đối với số tiền vốn vay 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng), theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày khởi kiện 15-3-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 06-9-2023

là 15.329.000 đồng (Mười năm triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng), nhưng đồng ý khấu trừ số tiền lãi bà M đã đóng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn lại bà M phải thanh toán cho bà T tổng số tiền lãi là 13.329.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng). Xét thấy, việc vay tiền giữa bà T và bà M chỉ thỏa thuận miệng và không có tài liệu chứng cứ chứng minh các bên có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ cụ thể, nhưng kể từ khi bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ vay đến nay thì bà M vẫn chưa thanh toán khoản tiền vốn vay cho bà T. Căn cứ vào Điều 357, Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà M thanh toán tiền lãi chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày khởi kiện 15-3-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 06-9-2023 là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số phải thanh toán là 16.966.450 đồng (Mười sáu triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng T đối với bị đơn ông Trần Thiện K.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Hồng T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị Hồng T các khoản bao gồm:

- Tiền vốn vay là 326.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu đồng);

- Tiền lãi chậm trả tính từ ngày khởi kiện 15-3-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 06-9-2023 là 13.329.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng);

Tổng cộng là 339.329.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Bùi Thị Hồng T cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.966.450 đồng (Mười sáu triệu, chín trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

- Hoàn trả cho bà Bùi Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.097.000 đồng (Chín triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009203 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nguyễn Thị M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)